

Quyển 6



招

Chiêu

魂

Hồn

入

Nhập

骨

Cốt

光明殿

QUANG MINH ĐIỆN

Chuyên cung cấp khoa giáo, liên hòm số,
tranh bày đàn, ảnh thờ, pháp phục.

Số nhà: 797 Đường Trường Chinh

Phường Hạ Long Thành Phố Nam Định.

Số điện thoại: 0166 884 9867 – 0918 628 710

PHẠM ĐỨC DŨNG

稽 Khê
首 Thù
慈 Từ
悲 Bi
地 Địa
藏 Tạng
主 Chủ
毫 Hào
光 Quang
照 Chiếu
耀 Diệu
遍 Biên
三 Tam
千 Thiên
手 Thủ
持 Trì
金 Kim
錫 Tích

振 Chấn
黃 Hoàng
泉 Tuyền
獄 Ngục
門 Môn
開 Khai
鎖 Chát
落 Lạc
罪 Tội
障 Chương
絕 Tuyệt
纏 Triền
綿 Miên
業 Nghiệp
鏡 Kính
當 Đương
臺 Đài

常 Thường
照 Chiếu
鑒 Giám
刀 Dao
山 Sơn
劍 Kiếm
樹 Thụ
化 Hóa
紅 Hồng
蓮 Liên
鑊 Hoạch
湯 Thang
爐 Lô
炭 Than
冷 Lạnh
無 Vô
煙 Yên

招 Chiêu
魂 Hồn
入 Nhập
骨 Cốt
科 Khoa

弟子黃陳再奉抄

他色鬱葱急向舊鄉村萬般世事須休記四

Tha
Sắc
Uất
Thông
Cấp
Hương
Cự
Hương
Thôn
Vạn
Bán
Thế
Sự
Tu
Hưu
Kí
Tứ

幽冥菩薩拯沉昏仰籍神功稱召魂寂寞輕拋

U
Minh
Bồ
Tát
Chứng
Trầm
Hôn
Ngưỡng
Tịch
Thần
Công
Xung
Triệu
Hôn
Tịch
Mịch
Khinh
Phao

大聖地藏王菩薩

三遍

Đại
Thánh
Địa
Tạng
Vương
Bồ
Tát

靈魂蒙接引歸赴就壇前

Linh
Hồn
Mông
Tiếp
Dẫn
Quy
Phó
Tự
Đàn
Tiền

入玄門

Nhập
Huyền
Môn

大餘靈宛若存接召亡靈臨法席頓超有漏

Đại
Dư
Linh
Uyên
Nhược
Tồn
Tiếp
Triệu
Vong
Linh
Lâm
Pháp
Tịch
Đốn
Siêu
Hữu
Lậu

竊以法筵初啓恭蒙賢聖以來臨禮物具陳欲

Thiết
Dĩ
Pháp
Diên
Sơ
Khải
Cung
Mông
Hiển
Thánh
Dĩ
Lai
Lâm
Lễ
Vật
Cụ
Trần
Dục

召靈魂而顯至茲憑咒力要淨花筵教有淨

Triệu
Linh
Hồn
Nhi
Hiển
Chí
Tư
Bằng
Chú
Lực
Yêu
Tịnh
Hoa
Diên
Giáo
Hữu
Tịnh

弟子黃陳再奉抄

唵	Án			南	Nam	穢	Uế
北	Bắc	隸	Lệ	無	Mô	眞	Chân
帝	Đế	主	Chủ	颯	Táp	言	Ngôn
吒	Tra	隸	Lệ	哆	Đá	謹	Cẩn
天	Thiên	準	Chuẩn	喃	Nằm	當	Đương
神	Thần	提	Đề	三	Tam	持	Trì
那	Na	娑	Sa	藐	Miêu	誦	Tụng
羅	La	婆	Bà	三	Tam		
地	Địa	訶	Ha	菩	Bồ		
吒	Tra			陀	Đà		
娑	Sa			俱	Câu		
下	Hạ			胝	Trì		
				喃	Nằm		
				怛	Đát		
				姪	Diệt		
				他	Tha		
				唵	Án		
				折	Chiết		

三遍

南無清涼地菩薩和摩訶薩
三遍

Thiết
Dĩ
Bồ
Tát
Luu
Ân
Quảng
Vạn
Từ
Bi
Ư
Lục
Thú
Lương
Hoàng
Kiến
Tiểu
Hoảng

竊以菩薩留恩廣運慈悲於六趣梁皇建醮弘

Khai
Té
Độ
Ư
Tam
Đồ
Dục
Tu
Thượng
Thiện
Chi
Duyên
Ngưỡng
Trượng
Đại
Từ
Chi

開濟度於三途欲修上善之緣仰仗大慈之

Lục
Dĩ
Kim
Phản
Hương
Kiến
Thành
Cúng
Dàng
Đại
Thánh
Địa
Tạng
Vương
Bồ
Tát
Ngưỡng

力以今焚香虔誠供養大聖地藏王菩薩仰

弟子黃陳再奉抄

落	Lạc	伏	Phục	壇	Đàn	惟	Duy
魂	Hồn	爲	Vi	筵	Diên	三	Tam
魄	Phách	亡	Vong	列	Liệt	界	Giới
無	Vô	靈	Linh	位	Vị	聖	Thánh
依	Y	某		仗	Trượng	賢	Hiền
仰	Ngưỡng	正	Chính	此	Thử	夜	Dạ
仗	Trượng	魂	Hồn	寶	Bảo	遊	Du
神	Thần	元	Nguyên	香	Hương	神	Thần
功	Công	命	Mệnh	用	Dụng	將	Tương
之	Chi	既	Kí	伸	Thân	使	Sứ
接	Tiếp	泯	Mẫn	誠	Thành	者	Giả
引	Dẫn	載	Tái	意	Ý	六	Lục
招	Chiêu	難	Nan	今	Kim	圓	Viên
迎	Nghinh	明	Minh	爲	Vì	土	Thổ
精	Tinh	形	Hình	信	Tín	地	Địa
魄	Phách	骸	Hài	主	Chủ	正	Chính
以	Dĩ	失	Thất	某		神	Thần

來臨用行助葬之儀庶得依憑有所由是今

Lai Lâm Dung Hành Trợ Táng Chi Nghi Thứ Đắc Y Bàng Hữu Sở Do Thị Kim

月吉日修設招魂接魄助葬法壇一筵加持

Nguyệt Cát Nhật Tu Thiết Chiêu Hồn Tiếp Phách Trợ Táng Pháp Đàn Nhất Diên Gia Trì

科教宣演儀文願賜降臨受斯供養教有召

Khoa Giáo Tuyên Diễn Nghi Văn Nguyên Tứ Giảng Lâm Thụ Tư Cúng Dàng Giáo Hữu Triệu

請真言謹當持誦以此鈴聲伸召請

Thỉnh Chân Ngôn Cẩn Đương Trì tụng Dĩ Thứ Linh Thanh Thân Triệu Thỉnh

弟子黃陳再奉抄

南	Nam	押	Áp	仰	Nguỡng	三	Tam
無	Mô	赴	Phó	憑	Bằng	魂	Hồn
部	Bộ	壇	Đàn	神	Thần	某	
部	Bộ	緣	Duyên	咒	Chú	魄	Phách
帝	Đế	安	An	力	Lực	願	Nguyện
唎	Lị	法	Pháp	加	Gia	文	Văn
伽	Già	坐	Tọa	持	Trì	之	Chi
哩	Lí						
多	Đa						
哩	Lí						
怛	Đát						
哆	Đá						
娥	Nga						
哆	Đá						
耶	Na						
三							
遍							



弟子黃陳再奉抄



門開掌寶珠而天堂路透大悲大願大聖大

Môn Khai Chương Bảo Châu Nhi Thiên Đường Lộ Thấu Đại Bi Đại Nguyên Đại Thánh Đại

一心奉請幽冥教主救苦本尊振金錫而地獄

Nhất Tâm Phụng thỉnh U Minh Giáo Chủ Cứu Khổ Bản Tôn Chấn Kim Tích Nhi Địa Ngục

香花請

Hương Hoa thỉnh

上來召請真香宣揚已竟信主虔誠上香拜請

Thượng Lai Triệu thỉnh Chân Hương Tuyên Dương Dĩ Cánh Tín Chủ Kiền Thành Thượng Hương Bái thỉnh

一	Nhất	斯	Tư	憐	Lân	慈	Từ
心	Tâm	供	Cúng	憫	Mẫn	本	Bản
奉	Phụng	養	Dàng	有	Hữu	尊	Tôn
請	Thỉnh	云		情	Tình	地	Địa
三	Tam	云		接	Tiếp	藏	Tạng
界	Giới			引	Dẫn	王	Vương
諸	Chư			靈	Linh	菩	Bồ
司	Tư			魂	Hồn	薩	Tát
萬	Vạn			歸	Quy	摩	Ma
靈	Linh			于	Vu	訶	Ha
各	Các			幻	Huyễn	薩	Tát
職	Chức			骨	Cốt	惟	Duy
當	Đương			親	Thân	願	Nguyện
年	Niên			赴	Phó	慈	Từ
行	Hành			道	Đạo	悲	Bi
譴	Khiển			場	Tràng	無	Vô
四	Tứ			受	Thụ	量	Lượng
值	Trực						

功曹左右靈官本靖本壇六員使者五道將

Công
Tào
Tả
Hữu
Linh
Quan
Bổn
Tĩnh
Bản
Đàn
Lục
Viên
Sứ
Giả
Ngũ
Đạo
Tướng

軍
惟願不違所請速降來臨接引靈魂依

Quân
Duy
Nguyễn
Bất
Vi
Sở
Thịnh
Tốc
Giáng
Lai
Lâm
Tiếp
Dẫn
Linh
Hồn
Y

于幻骨歸赴壇場受斯供養和

Vu
Huyền
Cốt
Quy
Phó
Đàn
Tràng
Thụ
Tư
Cúng
Dàng

一心奉請奉天敕命承佛威神廣布慈心開方

Nhất
Tâm
Phụng
Thịnh
Phụng
Thiên
Sắc
Mệnh
Thừa
Phật
Uy
Thần
Quảng
Bồ
Tứ
Tâm
Khai
Phương

弟子黃陳再奉抄

一	Nhất	供	Cúng	降	Giáng	正	Chính
心	Tâm	養	Dàng	來	Lai	路	Lộ
奉	Phụng	和		臨	Lâm	夜	Dạ
請	Thỉnh			接	Tiếp	遊	Du
天	Thiên	香	Hương	引	Dẫn	神	Thần
生	Sinh	花	Hoa	靈	Linh	將	Tướng
地	Địa	請	Thỉnh	魂	Hồn	土	Thổ
育	Dục			依	Y	地	Địa
分	Phân			于	Vu	靈	Linh
二	Nhị			幻	Huyền	官	Quan
氣	Khí			骨	Cốt	惟	Duy
之	Chi			歸	Quy	願	Nguyên
流	Lưu			赴	Phó	不	Bất
行	Hành			壇	Đàn	違	Vĩ
暑	Thử			場	Tràng	所	Sở
往	Vãng			受	Thụ	請	Thỉnh
寒	Hàn			斯	Tư	速	Tốc
來	Lai						

屬四時之代謝雖生死後先之異數諒聖凡

Thuộc
Tứ
Thời
Chi
Đại
Tạ
Tuy
Sinh
Tử
Hậu
Tiên
Chi
Dị
Số
Lượng
Thánh
Phàm

今古之同歸伏爲亡靈某生居陽世死入幽

Kim
Cổ
Chi
Đồng
Quy
Phục
Vi
Vong
Linh
Sinh
Cư
Dương
Thế
Tử
Nhập
U

關魂昇兜率之天魄降黃泉之地墓墳身屍

Quán
Hồn
Thăng
Đâu
Suất
Chi
Thiên
Phách
Giáng
Hoàng
Tuyền
Chi
Địa
Mộ
Phân
Thân
Thi

失落骸骨難尋七魄迷蒙三魂彷彿惟願

Thất
Lạc
Hài
Cốt
Nan
Tâm
Thất
Phách
Mê
Mông
Tam
Hồn
Phảng
Phát
Duy
Nguyên

弟子黃陳再奉抄

一	Nhất	壇	Đàn	而	Nhi	魂	Hồn
心	Tâm	場	Tràng	引	Dẫn	如	Như
奉	Phụng	受	Thụ	至	Chí	在	Tại
請	Thỉnh	斯	Tư	速	Tốc	日	Nhật
生	Sinh	供	Cúng	降	Giáng	魄	Phách
兮	Hề	養	Dàng	來	Lai	若	Nhược
有	Hữu	和		臨	Lâm	生	Sinh
死	Tử	香	Hương	接	Tiếp	時	Thời
入	Nhập	花	Hoa	引	Dẫn	憑	Bằng
百	Bách	請	Thỉnh	靈	Linh	佛	Phật
年	Niên			依	Y	力	Lực
彭	Bành			依	Y	之	Chi
祖	Tổ			于	Vu	弘	Hoàng
難	Nan			幻	Huyễn	深	Thâm
尋	Tầm			骨	Cốt	托	Đón
死	Tử			歸	Quy	神	Thần
則	Tắc			赴	Phó	幡	Phan
復	Phục						

甦三十歲顏回易見人間世事曷可勝悲伏
 Tô Tam Thập Tuế Nhan Hồi Dịch Kiến Nhân Gian Thế Sự Hạp Khả Thắng Bi Phục

爲亡靈某性根天地氣稟陰陽幾年總總于
 Vi Vong Linh Tánh Căn Thiên Địa Khí Bẩm Âm Dương Ki Niên Tông Tông Vu

陽間一旦悠悠於黃壤形骸失落魂魄杳冥
 Dương Gian Nhất Đán Du Du Ư Hoàng Nhưỡng Hình Hài Thát Lạc Hồn Phách Yếu Minh

日傾東現月落西沉惟願迷雲豁散心月圓
 Nhật Khuynh Đông Hiện Nguyệt Lạc Tây Trầm Duy Nguyên Mê Vân Khoát Tán Tâm Nguyệt Viên



弟子黃陳再奉抄



一心奉請生本氣形不出陰陽常理死還造化	Nhất Tâm Phụng Thỉnh Sinh Bản Khí Hình Bất Xuất Âm Dương Thường Lí Tử Hoàn Tạo Hóa	香花請	Hương Hoa Thỉnh	接引靈依于幻骨歸赴壇場受斯供養和	Tiếp Dẫn Linh Y Vu Huyễn Cốt Quy Phó Đàn Tràng Thụ Tư Cúng Dàng	明仗我佛之威光就當壇之顯現降赴法筵	Minh Trượng Ngã Phật Chi Uy Quang Tự Đương Đàn Chi Hiện Hiện Giáng Phó Pháp Diên
--------------------	---	-----	-----------------------	------------------	---	-------------------	--



弟子黃陳再奉抄



無從依托

Vô
Tòng
Y
Đồn

惟願靈魂不昧淨魄如存憑慈

Duy
Nguyên
Linh
Hồn
Bất
Muội
Tịnh
Phách
Nhu
Tôn
Bằng
Từ

落南柯之夢西沉東現日去月來失落形骸

Lạc
Nam
Kha
Chi
Mộng
Tây
Trầm
Đông
Hiện
Nhật
Khứ
Nguyệt
Lai
Thất
Lạc
Hình
Hài

魂某命辭塵境魂歸北塞之鄉數稟清宮魄

Hồn
Mệnh
Từ
Trần
Cảnh
Hồn
Quy
Bắc
Tắc
Chi
Hương
Số
Bẩm
Thanh
Cung
Phách

譬猶夜旦必然忽返幽冥難勝愛慕伏爲亡

Thí
Do
Dạ
Đán
Tất
Nhiên
Hốt
Phản
U
Minh
Nan
Thắng
Ái
Mộ
Phục
Vi
Vong

上	Thượng	斯	Tư	超	Siêu	力	Lực
來	Lai	供	Cúng	降	Giáng	以	Dĩ
召	Triệu	養	Dàng	赴	Phó	提	Đề
請	Thỉnh			法	Pháp	攜	Huề
既	Kí			筵	Diên	仗	Trượng
荷	Hà			接	Tiếp	神	Thần
光	Quang			引	Dẫn	功	Công
臨	Lâm			靈	Linh	而	Nhi
接	Tiếp			依	Y	引	Dẫn
引	Dẫn			于	Vu	至	Chí
靈	Linh			幻	Huyền	三	Tam
魂	Hồn			骨	Cốt	緣	Duyên
就	Tựu			歸	Quy	永	Vĩnh
于	Vu			赴	Phó	斷	Đoạn
壇	Đàn			壇	Đàn	十	Thập
所	Sở			場	Tràng	地	Địa
教	Giáo			受	Thụ	頓	Đốn
有	Hữu						

安坐眞言謹當持誦

An

Tọa

Chân

Ngôn

Cẩn

Đương

Trì

Tụng

Thượng

Thánh

Hạ

Phàm

Đồng

Giáng

Giám

上聖下凡同降鑒

Linh

Quan

Thần

Lại

Tất

Văn

Tri

靈官神吏悉聞知

Dạ

Du

Thần

Tướng

Tiếp

Linh

Hồn

夜遊神將接靈魂

Nguyên

Phó

Đàn

Diên

An

Tọa

Vị

願赴壇筵安坐位

Án

Ca

Ma

La

Sa

Hạ

唵迦麼囉莎下

三遍

弟子黃陳再奉抄

識	Thức	死	Tử	風	Phong	竊	Thiết
眞	Chân	生	Sinh	合	Hợp	以	Dĩ
靈	Linh	異	Dị	性	Tính	混	Hỗn
何	Hà	路	Lộ	死	Tử	沌	Độn
處	Xứ	魂	Hồn	是	Thị	成	Thành
在	Tại	飛	Phi	生	Sinh	之	Chi
冥	Minh	魄	Phách	之	Chi	始	Thủy
冥	Minh	散	Tán	本	Bản	洪	Hồng
杳	Yếu	日	Nhật	生	Sinh	蒙	Mông
杳	Yếu	往	Vãng	是	Thị	造	Tạo
不	Bất	月	Nguyệt	死	Tử	化	Hóa
知	Tri	來	Lai	之	Chi	之	Chi
自	Tự	默	Mặc	原	Nguyên	初	Sơ
性	Tính	默	Mặc	恩	Ân	地	Địa
某		沉	Trầm	愛	Ái	水	Thủy
方	Phương	沉	Trầm	同	Đồng	資	Tư
依	Y	不	Bất	途	Đồ	形	Hình
						火	Hỏa

或道路之中或波濤之下或埋宿恨於荒三
 Hoặc Đạo Lộ Chi Trung Hoặc Ba Đào Chi Hạ Hoặc Mai Túc Hận Ư Hoang Tam

魂散亂聞差速至聽召即來不得綬遲依如
 Hồn Tán Loạn Văn Sai Túc Chí Thính Triệu Túc Lai Bất Đắc Thụ Trì Y Như

所遣教有接召真言謹當持誦
 Sở Khiển Giáo Hữu Tiếp Triệu Chân Ngôn Cẩn Đương Trì tụng

南無釋迦母捺恒他蘖陀他陀囉喝帝三藐
 Nam Vô Thích Già Mẫu Nại Hằng Tha Bách Đà Tha Đà La Yết Đế Tam Miếu

弟子黃陳再奉抄

上獻聖慈願垂納受眾等虔誠上香奉獻	Thượng Hiển Thánh Từ Nguyên Thùy Nạp Thụ Chúng Đẳng Kiền Thành Thượng Hương Phụng Hiển	上來接召真言宣揚已竟以今信主虔具菲儀	Thượng Lai Tiếp Triệu Chân Ngôn Tuyên Dương Dĩ Cánh Dĩ Kim Tín Chủ Kiền Cụ Phi Nghị	莎下 三變	Sa Hạ	三沒陀也恒姪他唵苦苦薩婆鉢囉悉摩尼	Tam Một Đà Dã Hằng Điệt Tha Án Thiền Thiền Tát Bà Bát La Tát Ma Ni
------------------	---	--------------------	--	--------------	----------	-------------------	--

念變食甘露水各變

無量因緣一切眾

普施法界諸眾生

若以香花伸供養

惟能成就佛功德

唵娥娥曩三婆縛筏日囉斛

三變

弟子黃陳再奉抄

唵	Án	上	Thượng	上	Thượng	南	Nam
跋	Bạt	來	Lai	來	Lai	無	Mô
陀	Đà	文	Văn	獻	Hiến	普	Phổ
毘	Bì	牒	Điệp	供	Cúng	供	Cúng
盧	Lô	已	Dĩ	已	Dĩ	養	Dàng
枳	Chi	具	Cụ	竟	Cánh	菩	Bồ
檉	Ninh	敷	Phu	今	Kim	薩	Tát
莎	Sa	宣	Tuyên	有	Hữu	和	
下	Hạ	恭	Cung	牒	Điệp	摩	Ma
三		對	Đôi	文	Văn	訶	Ha
變		前	Tiền	謹	Cẩn	薩	Tát
		用	Dụng	當	Đương		
		憑	Bằng	宣	Tuyên	三	
		火	Hỏa	讀	Đọc	變	
		化	Hóa	并	Tịnh		
				檄	Hịch		

Thiết
 Duy
 Chư
 Tôn
 Kí
 Giáng
 Xưng
 Triệu
 Vong
 Thần
 Hồn
 Tóc
 Phụ
 Linh
 Phan
 Phan
 Minh

Báo
 Ứng
 Cháp
 Phan
 Dĩ
 Hương
 Thư

Sắc
 Lệnh
 Ân
 Triệu
 Linh
 Tam
 Hồn
 Thất
 Phách
 Ấp
 Phụ
 Linh
 Phan
 Tật
 Tóc
 Giáng

Linh
 Hồn
 Tóc
 Tóc
 Phụ
 Phiên
 Hình
 Động
 Tĩnh
 Hoàn
 Nhâm
 Ý
 Linh
 Kim
 Cỏ
 Hà

弟子黃陳再奉抄

謹	Cẩn	眞	Chân	謹	Cẩn	殊	Thù
請	Thỉnh	形	Hình	請	Thỉnh	渾	Hồn
南	Nam	咸	Hàm	東	Đông	一	Nhất
方	Phương	蒙	Mông	方	Phương	理	Lí
增	Tăng	濟	Tế	持	Trì	招	Chiêu
長	Trưởng	度	Độ	國	Quốc	來	Lai
天	Thiên	尋	Tầm	天	Thiên	魂	Hồn
王	Vương	聲	Thanh	王	Vương	魄	Phách
引	Dẫn	太	Thái	引	Dẫn	爽	Sảng
魂	Hồn	乙	Ất	魂	Hồn	精	Tinh
使	Sứ	救	Cứu	使	Sứ	明	Minh
者	Giả	苦	Khổ	者	Giả	不	Bất
接	Tiếp	天	Thiên	接	Tiếp	可	Khả
召	Triệu	尊	Tôn	召	Triệu	思	Tư
亡	Vong			亡	Vong	議	Nghị
某				某		功	Công
速	Tốc			速	Tốc	德	Đức
現	Hiện			現	Hiện		

眞形咸蒙濟度尋聲太乙救苦天尊

Chân
Hình
Hàm
Mông
Té
Độ
Tâm
Thanh
Thái
Át
Cứu
Khổ
Thiên
Tôn

謹請西方廣目天王引魂使者接召亡某速現

Cẩn
Thỉnh
Tây
Phương
Quảng
Mục
Thiên
Vương
Dẫn
Hồn
Sứ
Giả
Tiếp
Triệu
Vong
Tốc
Hiện

眞形咸蒙濟度尋聲太乙救苦天尊

Chân
Hình
Hàm
Mông
Té
Độ
Tâm
Thanh
Thái
Át
Cứu
Khổ
Thiên
Tôn

謹請北方多聞天王引魂使者接召亡某速現

Cẩn
Thỉnh
Bắc
Phương
Đa
Văn
Thiên
Vương
Dẫn
Hồn
Sứ
Giả
Tiếp
Triệu
Vong
Tốc
Hiện

弟子黃陳再奉抄

謹	Cẩn	眞	Chân	眞	Chân	眞	Chân
請	Thỉnh	形	Chân	請	Thỉnh	形	Hình
下	Hạ	咸	Hình	中	Trung	咸	Hàm
方	Phương	蒙	Hàm	央	Ương	蒙	Mông
轉	Chuyển	濟	Mông	忉	Đao	濟	Tế
輪	Luân	度	Tế	利	Lợi	度	Độ
天	Thiên	尋	Độ	天	Thiên	尋	Tầm
王	Vương	聲	Tầm	王	Vương	聲	Thanh
引	Dẫn	太	Thanh	引	Dẫn	太	Thái
魂	Hồn	乙	Thái	魂	Hồn	乙	Át
使	Sứ	救	Át	使	Sứ	救	Cứu
者	Giả	苦	Cứu	者	Giả	苦	Khổ
接	Tiếp	天	Khổ	接	Tiếp	天	Thiên
召	Triệu	尊	Thiên	召	Triệu	尊	Tôn
亡	Vong		Tôn	亡	Vong		
某				某			
速	Tốc			速	Tốc		
現	Hiện			現	Hiện		



弟子黃陳再奉抄



夫神雞者性全五德稟受五行知天地之晨昏

Phù
Thần
Kê
Giả
Tỉnh
Toàn
Ngũ
Đức
Bẩm
Thụ
Ngũ
Hành
Tri
Thiên
Địa
Chi
Thần
Hôn

候鬼鎮

Hậu
Quý
Trần

足縛
符雞
Túc Phọc
Phù Kê

敕令

Sắc
Lệnh

唵

Án

速應鎮

Tốc
Ứng
Trần

或行

loặc Hàn

書符

Thư Phù

香入

ương Nh

亦雞

Diệc Kê

可口

Khả Khả

敕令

Sắc
Lệnh

唵

Án

敕

Sắc

魁北鬼鎮

Khôi
Bắc
Quý
Trần

真形咸蒙濟度尋聲太乙救苦天尊

Chân
Hình
Hàm
Mông
Tế
Độ
Tâm
Thanh
Thái
Át
Cứu
Khổ
Thiên
Tôn

言	Ngôn	成	Thành	魂	Hồn	識	Thức
謹	Cẩn	墓	Mộ	降	Giáng	人	Nhân
當	Đương	定	Định	幡	Phan	間	Gian
吟	Ngâm	魄	Phách	附	Phụ	之	Chi
唱	Xướng	安	An	體	Thể	善	Thiện
息	Tức	魂	Hồn	茲	Tư	惡	Ác
中	Trung	亡	Vong	時	Thời	曉	Hiếu
地	Địa	者	Giả	下	Hạ	通	Thông
藏	Tạng	逍	Tiêu	土	Thổ	八	Bát
大	Đại	遙	Dao	取	Thủ	節	Tiết
師	Sư	神	Thần	其	Kì	詳	Tường
垂	Thùy	魂	Hồn	土	Thổ	察	Sát
救	Cứu	解	Giải	造	Tạo	四	Tứ
接	Tiếp	脫	Thoát	作	Tác	時	Thời
神	Thần	所	Sở	葬	Táng	開	Khai
雞	Kê	有	Hữu	封	Phong	通	Thông
叩	Khấu	偈	Kệ	墳	Phân	招	Chiêu

地現靈通不可思議功德
 Địa
 Hiện
 Linh
 Thông
 Bất
 Khả
 Tư
 Nghi
 Công
 Đức

放靈雞靈雞
 Phóng
 Linh
 Kê
 Linh
 Kê
 靈魂明曉勿低迷
 Linh
 Hồn
 Minh
 Hiểu
 Vật
 Đê
 Mê

放靈雞靈雞
 Phóng
 Linh
 Kê
 Linh
 Kê
 神魂歡喜莫慘悽
 Thần
 Hồn
 Hoan
 Hi
 Mạc
 Thâm
 Thê

放金雞金雞
 Phóng
 Kim
 Kê
 Kim
 Kê
 亡魂早得仗提攜
 Vong
 Hồn
 Tảo
 Đắc
 Trọng
 Đề
 Huê



弟子黃陳再奉抄



又 偈 云	Hựu Kệ Vân 魄 永 劫 無 違 須 時 刻 不 得 緩 遲 急 急 如 律 令	Phách Vĩnh Kiếp Vô Vi Tu Thời Khắc Bát Đắc Hoãn Tri Cấp Cấp Như Luật Lệnh 道 路 接 引 魂 歸 茲 時 叩 地 練 度 加 持 安 魂 定	Đạo Lộ Tiếp Dẫn Hồn Quy Tư Thời Khẩu Địa Luyện Độ Gia Tri An Hồn Định 神 雞 神 雞 報 應 壇 儀 四 時 詳 察 八 節 曉 知 開 通	Thần Kê Thần Kê Báo Ứng Đàn Nghị Tứ Thời Tường Sát Bát Tiết Hiếu Tri Khai Thông
----------------------	--	---	---	--

茫 Mang
茫 Mang
沒 Một
沒 Một
本 Bản
本 Bản
人 Nhân
人 Nhân
身 Thân
身 Thân
五 Ngũ
五 Ngũ
體 Thể
體 Thể
練 Luyện
練 Luyện
成 Thành
成 Thành
骸 Hài
骸 Hài
骨 Cốt
骨 Cốt
新 Tân
新 Tân
七 Thất
七 Thất
魄 Phách
魄 Phách
三 Tam
三 Tam

魂 Hồn
魂 Hồn
蒙 Mông
蒙 Mông
接 Tiếp
接 Tiếp
引 Dẫn
引 Dẫn
本 Bản
本 Bản
來 Lai
來 Lai
借 Tá
借 Tá
假 Giả
假 Giả
以 Dĩ
以 Dĩ
成 Thành
成 Thành
真 Chân
真 Chân
不 Bất
不 Bất
可 Khả
可 Khả
思 Tư
思 Tư
議 Nghị
議 Nghị
功 Công
功 Công
德 Đức
德 Đức

元 Nguyên
元 Nguyên
始 Thủy
始 Thủy
符 Phù
符 Phù
命 Mệnh
命 Mệnh

借 Tá
借 Tá
假 Giả
假 Giả
成 Thành
成 Thành
真 Chân
真 Chân

死 Tử
死 Tử
魂 Hồn
魂 Hồn
受 Thọ
受 Thọ
練 Luyện
練 Luyện

僊 Tiên
僊 Tiên
化 Hóa
化 Hóa
成 Thành
成 Thành
人 Nhân
人 Nhân

弟子黃陳再奉抄

節	Tiết	主	Chủ	待	Đãi	清	Thanh
以	Dĩ	煉	Luyện	見	Kiến	身	Thân
新	Tân	形	Hình	雞	Kê	超	Siêu
爲	Vi	骸	Hài	叩	Khẩu	度	Độ
舊	Cựu	接	Tiếp	地	Địa	再	Tái
妙	Diệu	引	Dẫn	取	Thủ	轉	Chuyển
安	An	亡	Vong	土	Thổ	法	Pháp
排	Bãi	靈	Linh	作	Tác	輪	Luân
大	Đại	淨	Tịnh	形	Hình	急	Cấp
師	Sư	魄	Phách	練	Luyện	急	Cấp
地	Địa	來	Lai	形	Hình	如	Như
藏	Tạng	借	Tá	開	Khai	律	Như
垂	Thùy	假	Giả	寶	Bảo	令	Luật
救	Cứu	而	Nhi	偈	Kệ		Lệnh
接	Tiếp	真	Chân	幽	U		
夜	Dạ	成	Thành	冥	Minh	三	
遊	Du	骨	Cốt	教	Giáo	遍	

神將引通開今時接召精魂入練就真形卻

Thần
Tương
Dẫn
Thông
Khai
Kim
Thời
Tiếp
Triệu
Tinh
Hồn
Nhập
Luyện
Tự
Chân
Hình
Khước

後埋不可思議功德煉魂符

Hậu
Mai
Bất
Khả
Tư
Nghị
Công
Đức
Luyện
Hồn
Phù

敕令唵佛法僧土大聖地藏王菩薩

Sắc
Lệnh
Án
Phật
Pháp
Tăng
Thổ
Đại
Thánh
Địa
Tạng
Vương
Bồ
Tát

釋迦煉度亡某生寶路

Thích
Ca
Luyện
Độ
Vong
Sinh
Bảo
Lộ

弟子黃陳再奉抄

夜遊神將

Dạ
Du
Thần
Tuống

閻王俯鑒

Diêm
Vương
Phủ
Giám

地藏接引

Địa
Tạng
Tiếp
Dẫn

煉魂煉魂

Luyện
Hồn
Luyện
Hồn

引赴門庭

Dẫn
Phó
Môn
Đình

列聖證明

Liệt
Thánh
Chứng
Minh

度死濟生

Độ
Tử
Tế
Sinh

成體成形

Thành
Thể
Thành
Hình

水火煉度
Thủy
Hỏa
Luyện
Độ

陰陽合形
Âm
Dương
Hợp
Hình

作虛成實
Tác
Hư
Thành
Thật

既枯再榮
Kí
Khô
Tái
Vinh

自今而後
Tự
Kim
Nhi
Hậu

入殼安形
Nhập
Xác
An
Hình

三魂覺性
Tam
Hồn
Giác
Tỉnh

七魄爽靈
Thất
Phách
Sảng
Linh



弟子黃陳再奉抄



安	An	南	Nam	急	Cấp	逍	Tiêu
然	Nhiên	無	Mô	如	Như	遙	Dao
就	Tựu	地	Địa	律	Luật	快	Khoái
座	Tọa	藏	Tạng	令	Lệnh	樂	Lạc
魂	Hồn	王	Vương				
魄	Phách	菩	Bồ				
俱	Câu	薩	Tát				
全	Toàn	證	Chứng			得	Đắc
身	Thân	明	Minh			遂	Toại
體	Thể					超	Siêu
形	Hình					生	Sinh
接	Tiếp						
依	Y						
如	Như						
法	Pháp						
真	Chân						
魂	Hồn						
自	Tự						

性精爽靈通諦聽梵音超生淨界爲如上良

Tính
Tĩnh
Sảng
Linh
Thông
Đế
Thính
Phạm
Âm
Siêu
Sinh
Tĩnh
Giới
Vi
Như
Thượng
Lương

緣念

Duyên
Niệm

十方三世佛諸尊菩薩摩訶薩

Thập
Phương
Tam
Thế
Phật
Chư
Tôn
Bồ
Tát
Ma
Ha
Tát

般若波羅蜜

Bàn
Nhược
Ba
La
Mật

煉魂畢代木偈云

Luyện
Hồn
Tất
Đại
Mộc
Kệ
Vân

弟子黃陳再奉抄

敕	Sắc			佛	Phật
令	Lệnh	法	Pháp	有	Hữu
法	Pháp	師	Sư	神	Thần
師	Sư	執	Chấp	通	Thông
執	Chấp	燭	Chúc	斬	Trảm
火	Hỏa	驅	Khu	木	Mộc
輪	Luân	棺	Quan	殃	Uơng
燒	Thieu	林	Lâm	一	Nhất
除	Trừ	偈	Kệ	二	Nhị
惡	Ác	云	Vân	三	Tam
鬼	Quỷ			斬	Trảm
度	Độ			鬼	Quỷ
亡	Vong			潛	Tiềm
魂	Hồn			藏	Tàng
三	Tam			妖	Yêu
光	Quang			氣	Khí
歲	Tuế			木	Mộc
星	Tinh			精	Tinh
		歸	Quy		
		海	Hải		
		外	Ngoại		
		凶	Hung		
		殃	Uơng		
		惡	Ác		
		殺	Sát		
		去	Khứ		
		他	Tha		
		方	Phương		

除 Trừ
速 Tốc
出 Xuất
陽 Dương
慶 Khánh
陰 Âm
超 Siêu
福 Phúc
永 Vĩnh
存 Tồn

驅 Khu
棺 Quan
畢 Tất
次 Thứ
殮 Liệm
入 Nhập
棺 Quan
偈 Kệ
云 Vân

Đại
Thánh
Đà
La
Ni
Đế
Quân
Nhất
Nhị
Tam
Liệm
Khứ
Hung
Thần
Kim
Nhật
Kim
Thời

大聖陀羅尼帝君一二三殮去凶神今日今時

An
Đại
Liễm
Vong
Hồn
Thụ
Luyện
Hóa
Thành
Nhân

安大殮亡魂受煉化成人

弟子黃陳再奉抄

開	Khai	菩	Bồ	智	Trí	入	Nhập
耳	Nhĩ	提	Đề	慧	Tuệ	殮	Liệm
耳	Nhĩ	岸	Ngạn	爲	Vi	畢	Tất
神	Thần	魂	Hồn	般	Bàn	次	Thứ
聰	Thông	魄	Phách	精	Tinh	開	Khai
明	Minh	歸	Quy	進	Tiến	光	Quang
聽	Thính	空	Không	蒿	Hao	亡	Vong
開	Khai	明	Minh	靈	Linh	靈	Linh
心	Tâm	月	Nguyệt	童	Đồng	偈	Kệ
心	Tâm	高	Cao	湧	Dũng	云	Vân
神	Thần	開	Khai	力	Lực		
聰	Thông	眼	Nhãn	出	Xuất		
明	Minh	眼	Nhãn	波	Ba		
應	Ứng	神	Thần	濤	Đào		
開	Khai	聰	Thông	翻	Phiên		
意	Ý	明	Minh	身	Thân		
意	Ý	視	Thị	直	Trực		
				到	Đáo		

神聰明靈亡者逍遙生淨度子孫富貴壽康

寧

上來招魂事畢功德無限和南三尊聖眾

告法曰

弟子黃陳再奉抄

錢	Tiền	雜	Tap	土	Thổ	以	Dĩ
一	Nhất	盤	Bàn	作	Tác	桑	Tang
百	Bách	三	Tam	形	Hình	木	Mộc
文	Văn	面	Diện	蘇	Tô	爲	Vi
靈	Linh	金	Kim	木	Mộc	骨	Cốt
幡	Phan	銀	Ngân	炆	Chữ	燈	Đăng
一	Nhất	衣	Y	水	Thủy	心	Tâm
頂	Đỉnh	帽	Mạo	血	Huyết	爲	Vi
各	Các			以	Dĩ	腸	Tràng
物	Vật			生	Sinh	五	Ngũ
排	Bãi			雞	Kê	線	Tuyến
辨	Biện			一	Nhất	爲	Vi
如	Như			雙	Song	筋	Cân
儀	Nghi			齋	Trai	榔	Đa
然	Nhiên			盤	Bàn	果	Quả
後	Hậu			一	Nhất	爲	Vi
行	Hành			面	Diện	首	Thủ
科	Khoa						



弟子黃陳再奉抄



招魂入骨科完

Chiêu

Hồn

Nhập

Cốt

Khoa

Hoàn

